TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN EA SÚP	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH ĐĂKLĂK	

Bản án số: 05 / 2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 03/7/2019.

V/v: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thành Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Mạc.

2. Ông Bành Trọng Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Trần Dương Công– Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2019 ngày 17/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Cao Tiến D**,** sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn a, xã L, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Trương Thị P, sinh năm 1983.

Đại chỉ: Thôn L, xã L, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Cao Tiến D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị P chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/11/2013, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, nên dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay mâu thuẫn đã qua trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm nữa, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh D xin được ly hôn với chị P

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Cao Minh N, sinh ngày 20/8/2009. Anh D có nguyện vọng xin được giao cháu N cho chị P cho đến tuổi trưởng thành. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/01 tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ: Anh D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn bị đơn bà Trương Thị P trình bày có trong hồ sơ:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn như lời trình bày của anh D là đúng, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình quan điểm không hợp nhau, anh D có quan hệ với người phụ nữ khác, anh D về nhà quậy phá trong gia đình, dẫn đến hai vợ chồng vợ cãi vã với nhau. Chị P thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để dẫn đến ly hôn, chị P vẫn còn tình cảm

với anh D nên chị P muốn gia đình đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Vì vậy chị P không đồng ý ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như anh D trình bày là đúng. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn với nhau thì nguyện vọng của chị P xin được nuôi dưỡng cháu N cho đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/ 01 tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ: Nếu Tòa giải quyết ly hôn thì về tài sản chung và công nợ Chị P và anh D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án huyện Ea Súp đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông D và bà P khi sinh sống tại thôn L xã , huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Qua xác minh tại địa phương thì được biết ông D và bà P phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, vợ chồng hay cãi vã lẫn nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, các lần hòa giải bản thân ông D nhất quyết xin được ly hôn với bà P, còn bà P cho rằng tình cảm vẫn còn, mâu thuẫn gia đình chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên bà P không đồng ý ly hôn. Do các bên đương sự không thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án vì vậy Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Ra quyết định xét xử, tống đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của, trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn chấp hành nhưng tại phiên bị đơn chị P không chấp hành quy định của pháp luật, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vụ kiện giữa nguyên đơn ông Cao Tiến D và bị đơn bà Trương Thị P là vụ kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà P mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy ông Cao Tiến D và bà Trương Thị P kết hôn trên cơ sở tình yêu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại Uỷ ban nhân dân xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/11/2013 theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài từ năm 2016 cho đến nay và tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Ông D kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà P. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông D và bà P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu cứ kéo dài hôn nhân của các bên cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân & Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, xử cho ông D được ly hôn với bà P là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông D và bà P thống nhất có một con chung là Cao Minh N, sinh ngày 20/8/2009. Trong quá trình giải quyết vụ án ông D và bà P đều thống nhất giao cho bà P nuôi dưỡng cháu N. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

1.000.000đ/ tháng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy sự thỏa thuận này là sự tự nguyện và không trái quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[5] Về chia tài sản và nợ: Ông D và bà P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phần chia tài sản và phần nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Và chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 203 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân***:** Xử cho ông Cao Tiến D được ly hôn với bà Trương Thị P.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Cao Minh N, sinh ngày 20/8/2009 cho bà Trương Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ông Cao Tiến D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này.

4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

5. *Về án phí:* Ông Cao Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0012522 ngày 06/3/2019. Ông D còn phải nộp 300.000đồng.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- VKS huyện EaSúp;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trương Thành Huế